



TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT LƯƠNG - GIÁO TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

TS TRẦN ĐĂNG SINH*

Để thực hiện thắng lợi đường lối cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng, cần phải xây dựng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó, có đoàn kết lương - giáo.

Cơ sở của đoàn kết lương - giáo theo Hồ Chí Minh chính là sự tương đồng vì mục tiêu độc lập, tự do của dân tộc. Người cho rằng đồng bào lương và đồng bào giáo đều là người Việt Nam, đều là người lao động thực hiện sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. Vì thế lương - giáo phải đoàn kết, toàn dân phải đoàn kết thì sự nghiệp lớn của dân tộc mới thành công. Qua các bức thư gửi cho đồng bào các tôn giáo và các chức sắc tôn giáo, Hồ Chí Minh luôn đề cao cái chung của mọi người không kể lương hay giáo đó là lòng yêu nước. Còn cái riêng, cái dị biệt về đức tin, lối sống như đồng bào giáo thì có tình cảm kính Chúa, đồng bào lương thì ngưỡng mộ Đức Phật... chỉ là sự khác biệt nhỏ, không căn bản. Chúng ta cần phải bỏ qua các dị biệt nhỏ, giữ lại cái tương đồng lớn.

Nội dung của đoàn kết lương - giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh mang tính toàn diện, được thể hiện cả trong kinh tế, chính trị và văn hoá - xã hội. Trong bài nói chuyện tại lớp bồi dưỡng về công tác mặt trận, tháng 8-1962, Người căn dặn cán bộ: " Phải đoàn kết chặt chẽ giữa đồng bào lương và đồng bào các tôn giáo, cùng nhau xây dựng cuộc sống hoà thuận, ấm no, xây dựng Tổ quốc"¹.

Thực hiện chính sách đoàn kết lương - giáo, Hồ Chí Minh còn dựa trên cơ sở sự chân tình, thủy chung giữa đồng bào bên lương và đồng bào bên giáo đều là con dân nước Việt, có trách nhiệm và nghĩa vụ phụng sự Tổ quốc Việt Nam. Người cho rằng: "Đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn lâu dài. Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị. Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phụng sự nhân dân thì ta đoàn kết với họ"².

Người thấy rõ các tôn giáo nói chung đều có điểm tương đồng là tư tưởng giải thoát con người, mong muốn con người được sung sướng, tự do, hạnh phúc. Hồ Chí Minh trong thư gửi Hội Phật tử Việt Nam ngày rằm tháng bảy âm lịch năm 1946 viết: "Đức Phật đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn. Muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hy sinh tranh đấu diệt lũ ác ma"³. Hay trong thư gửi Hội nghị Đại biểu Phật giáo thống nhất Việt Nam ngày 28-9-1964, Hồ Chí Minh kêu gọi: "Nhân đây chúng ta tỏ lòng đoàn kết với đồng bào Phật giáo ở miền Nam đang hăng hái tham gia cuộc đấu tranh yêu nước và chống đế quốc Mĩ xâm lăng. Đồng bào Phật giáo cả nước từ Bắc chí Nam đều cố gắng thực hiện lời Phật dạy là: "lợi lạc quần sinh, vô ngã

* Đại học Sư phạm Hà Nội.

vị tha"⁴.

Trong thư gửi các vị linh mục và đồng bào Công giáo Việt Nam, ngày 25-12-1945, Hồ Chí Minh ca ngợi Đức Giê Su: "Đức Chúa Giê Su suốt đời hi sinh phấn đấu cho tự do, cho dân chủ"⁵.

Để xây dựng, củng cố và phát triển khối đoàn kết lương - giáo, Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng tới các chức sắc và tín đồ các tôn giáo bởi họ chính là các chủ thể trong các sinh hoạt tôn giáo.

Hơn ai hết, Hồ Chí Minh hiểu rõ, các chức sắc tôn giáo là người tổ chức các hoạt động tôn giáo, có vai trò rất quan trọng trong các tổ chức tôn giáo và ảnh hưởng to lớn tới mọi mặt trong cuộc sống của tín đồ. Họ đại diện cho đáng thiêng liêng để giảng đạo. Tín đồ, thông qua họ được hiệp thông (giao tiếp) với đáng thiêng liêng, do đó, họ đặc biệt có sức cảm hoá, hấp dẫn tín đồ. Vậy để thực hiện tư tưởng đoàn kết lương - giáo, cả trong lý luận và thực tiễn Hồ Chí Minh đều đặc biệt chú ý tới việc ứng xử tinh tế đúng mực với các chức sắc tôn giáo trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo vì đạo pháp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đối với các chức sắc tôn giáo, Người luôn tranh thủ động viên khơi dậy lòng yêu nước thương nòi và giữ gìn, phát huy truyền thống quý báu của dân tộc. Ngay cả những giám mục bị bọn đế quốc, phản động lợi dụng như Lê Hữu Từ, Người cũng có thái độ ứng xử rất mềm dẻo, chân tình, nhận là "bạn", là "cố vấn Chính phủ" và lựa lời khuyên giải. Trong buổi nói chuyện với các linh mục đầu năm 1946, Hồ Chí Minh đã dùng uy tín của Lê Hữu Từ để thuyết phục: "Trước đây tôi đã gặp Đức cha Từ. Nay tôi về đây với tấm lòng sốt sắng và thân mật vì Đức cha Từ là người bạn của tôi. Ngài là một vị lãnh đạo sáng suốt của đồng bào Công giáo. Công giáo hay không Công giáo đều phải nỗ lực đấu tranh cho nền độc lập của nước nhà. Nhiệm vụ của toàn thể chúng ta là phải giữ gìn nền độc lập. Thay mặt Chính phủ cảm ơn Đức cha Từ và các ngài đã tỏ lòng trung thành với

Chính phủ"⁶. Như vậy, với sự sắc sảo về chính trị, Hồ Chí Minh nhấn mạnh cái chung, cái tương đồng của các tôn giáo để kéo các chức sắc tôn giáo vào sự nghiệp cách mạng của toàn dân tộc.

Tư tưởng đoàn kết lương - giáo được Hồ Chí Minh coi trọng bởi hai lẽ:

Một mặt, do lịch sử để lại. Phật giáo du nhập vào nước ta từ khoảng thế kỉ thứ II - III sau công nguyên. Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, có lúc thịnh lúc suy, song tư tưởng văn hoá - đạo đức Phật giáo đã bén rễ sâu và trở thành một bộ phận quan trọng trong đời sống văn hoá của người Việt Nam. Trong khi đó, Thiên Chúa giáo du nhập vào cùng với quá trình thực dân Pháp xâm lược nước ta. Chính quyền thực dân thường dựa vào Công giáo để xây dựng bộ máy cai trị áp bức. Vì thế, triều Nguyễn có thời gian đã tiến hành cấm đạo Thiên Chúa. Sau này không ít giáo sĩ phản động cấu kết với thực dân Pháp, đế quốc Mỹ tuyên truyền, lôi kéo đồng bào theo đạo tạo ra những vùng Công giáo chống lại cách mạng. Hơn nữa, bọn thực dân đế quốc luôn tìm cách gây hấn thù giữa đồng bào lương và đồng bào giáo để chia rẽ dân tộc theo phương châm "chia để trị". *Mặt khác*, do đồng bào lương và giáo chiếm số đông trong toàn bộ tín đồ tôn giáo ở nước ta. Đa số tín đồ các tôn giáo là người lao động, trong đó chủ yếu là nông dân. Do nhiều nguyên nhân, nhìn chung tín đồ các tôn giáo có đời sống dân sinh và trình độ dân trí thấp. Họ có những phong tục tập quán khác nhau nhưng đều có niềm tin tôn giáo sâu sắc.

Tín đồ tôn giáo ở nước ta, theo Hồ Chí Minh, căn bản là những người lao động bị chế độ cũ áp bức bóc lột. Họ là những người yêu nước thực sự, do vậy họ là lực lượng của cách mạng, là bộ phận quan trọng trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc với tư cách là chủ thể cách mạng, cho nên vấn đề đặt ra là phải đoàn kết lương - giáo. Chỉ có đoàn kết lương - giáo, phát huy lòng yêu nước và tinh thần lao động cần cù của các tín đồ tôn giáo trong sự nghiệp xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc thì sự nghiệp cách mạng mới có thể thành công. Chủ trương đoàn kết lương - giáo trở thành một vấn đề trọng tâm, có ý nghĩa quyết định vấn đề đoàn kết tôn giáo trong chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh.

Để thực hiện đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo nói chung, trong đó trọng tâm là đoàn kết lương - giáo, Hồ Chí Minh đã đưa ra những giải pháp có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn, đó là: xây dựng hệ thống chính trị trong vùng có đông bào tôn giáo, làm tốt công tác vận động với các chức sắc và tín đồ tôn giáo, tích cực đấu tranh chống bọn đế quốc, phản động lợi dụng tôn giáo.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến các vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ ở các vùng đông bào công giáo. Vì “cán bộ là cái gốc của mọi công việc” và “công việc thành công hay thất bại là do cán bộ tốt hay kém”⁷. Hồ Chí Minh chủ trương phát triển cán bộ tại chỗ là chính để họ trở thành cán bộ “bán chuyên nghiệp” đi vận động tôn giáo. Điều này có tác dụng rất thiết thực, bởi cán bộ tại chỗ rất am hiểu phong tục, tập quán sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo. Song đòi hỏi ở họ ngoài yêu cầu cơ bản về đức, về tài còn phải có nghiệp vụ công tác tôn giáo, phải nắm vững và thực hiện đúng đắn, nghiêm túc mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về tôn giáo. Người thường căn dặn cán bộ phải thật bền bỉ, kiên trì trong công tác tôn giáo thì mới có thể giúp đông bào tín đồ phân biệt rõ bạn, thù.

Khi cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ tháng 12-1946, Hồ Chí Minh đã cử ngay đặc phái viên đến Ninh Bình là nơi có cơ sở lớn nhất cả nước của Thiên Chúa giáo để cùng chính quyền địa phương chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chính sách của Đảng và Nhà nước. Cụ thể là “trả đôn điền của ông Phạm Lê Bồng cho ông ấy”⁸. Ngày 04-4-1947, Người nhắc nhở phái viên Vũ Đình Huỳnh (phái viên của Chính phủ ở Ninh Bình) rằng: “Nhiệm vụ của chú ở đó để cùng với cụ Từ, dàn xếp việc xích mích giữa đông bào lương giáo, để thực hiện đoàn kết kháng chiến. Vì vậy,

chú cần phải khôn khéo và cần thận từ lời nói đến việc làm”⁹.

Điều đặc biệt trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết lương - giáo là phát triển đảng viên ở chính tín đồ tôn giáo. Điều này rất quan trọng trong việc tăng cường lãnh đạo, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với đông bào tôn giáo. Khi trả lời câu hỏi của một trí thức: “Một người Công giáo có thể vào Đảng Lao động được không?”, Hồ Chí Minh nói: “Có. Người Công giáo nào cũng vào được, miễn là trung thành, hăng hái làm nhiệm vụ, giữ đúng kỷ luật của Đảng. Nước ta kinh tế lạc hậu, kỹ thuật kém, tôn giáo là duy tâm, cộng sản là duy vật, nhưng trong điều kiện hiện tại, người theo đạo vẫn vào Đảng được”¹⁰.

Hồ Chí Minh không chỉ nhấn mạnh sự tương đồng giữa các tôn giáo mà còn tìm ra sự tương đồng giữa các tôn giáo chân chính với chủ nghĩa xã hội. Người coi tôn giáo như là nơi gửi gắm nguyện vọng thiết tha của một bộ phận quần chúng lao động mong chờ được giải thoát khỏi áp bức, bất công, nghèo khổ, từ đó cổ vũ tích cực để họ tham gia kháng chiến, kiến quốc.

Người rất chú ý công tác vận động đối với các chức sắc và đông bào tôn giáo, coi đây là mặt trận trọng yếu trong công tác xây dựng, củng cố khối đoàn kết lương - giáo. Tại Hội nghị cán bộ Trung ương tháng 4-1947, Người nhấn mạnh: thực dân Pháp đang cố lừa phỉnh và lôi kéo đông bào Công giáo, Cao Đài, Hoà Hảo... để phá hoại mặt trận dân tộc thống nhất của ta; nên vấn đề vận động đông bào theo các đạo là việc trọng yếu bậc nhất trong công tác dân vận. Theo chỉ đạo của Người, Chính phủ đã thành lập Ủy ban vận động đặc biệt đông bào Công giáo để chống lại âm mưu thủ đoạn của thực dân Pháp lôi kéo đông bào Công giáo chống lại cách mạng. Vì, theo Hồ Chí Minh, khi toàn dân đang tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp xâm lược nước ta lần thứ hai, giáo dân phần nhiều yêu nước, nhưng do tuyên truyền của địch, hay do sự hiểu lầm, phần đông giáo dân tưởng Việt Minh là cộng sản và Chính phủ ta là Chính phủ

cộng sản nên họ sợ cộng tác với Việt Minh, vài nơi có tỏ thái độ thờ ơ với Chính phủ, ta phải hết sức vạch rõ âm mưu gian của địch, chỉ rõ mục đích và tính chất của Việt Minh và Chính phủ để đánh tan sự hiểu lầm nói trên.

Để tranh thủ các chức sắc tôn giáo, Hồ Chí Minh rất chú trọng nêu những tấm gương về đạo đức trong sáng của các chức sắc tôn giáo để giáo dục giáo dân. Người viết thư khen linh mục Lê Văn Yên (Bắc Ninh): “Luôn luôn ra sức củng cố tinh thần đại đoàn kết đồng bào lương và giáo. Ngài luôn luôn tận tâm săn sóc các anh em thương binh”¹¹... Trong lời điều cụ Phan Bá Trục, Phó ban Thường trực Quốc hội, Hồ Chí Minh đã đánh giá: “Trong mọi việc, cụ đã kết hợp đạo đức bác ái theo lời Chúa dạy, với tinh thần nồng nàn yêu nước của người đại biểu chân chính cho nhân dân Việt Nam”¹². Trên thực tế, không chỉ các tổ chức tôn giáo chịu ảnh hưởng tư tưởng Hồ Chí Minh, mà đồng đảo các chức sắc, tín đồ đều biểu thị sự tin tưởng, làm theo tư tưởng của Người. Ngày 25-9-1946, Báo Cứu quốc đăng tin với tiêu đề: “Một vụ án thông tiền thoả hậu” có viết: “Quân Pháp trong lúc khám nhà cha Luật đã tìm thấy một tờ báo có đăng ảnh Hồ Chủ tịch, một bản danh sách biên tập viên tờ báo đó và những người nhờ cầu hôn”. Giác Pháp bắt giam cha Luật, gây ra hậu quả trái ý chúng: Những người Công giáo cứu quốc càng đấu tranh chống lại bọn thực dân Pháp mà trước nhất là phong trào phản đối chính quyền thực dân bắt giam cha Luật và cha Sang, càng hướng về Chính phủ cụ Hồ”¹³.

Nhà sư Thích Trí Độ trong một buổi thuyết giảng đã nói: muốn đạt được ý nguyện của đức Phật, của Chính phủ, của Hồ Chủ tịch, các đạo hữu phải thực sự đoàn kết thương yêu nhau, tích cực thực hiện đúng lời kêu gọi của Chính phủ, của Hồ Chủ tịch, thực hiện đúng chính sách của Chính phủ¹⁴.

Thông qua sự chỉ đạo công tác tôn giáo và thông qua chính sách hoạt động thực tiễn của Người, có thể khái quát *tư tưởng về*

vận động các chức sắc tôn giáo và đồng bào tôn giáo của Hồ Chí Minh trên mấy điểm chủ yếu sau đây:

- Hồ Chí Minh luôn có sự nhất quán tôn trọng bình đẳng, không phân biệt đối xử, hoặc công kích bất kì tôn giáo nào.

- Hồ Chí Minh luôn biểu lộ sự tôn trọng, quan tâm đối với các chức sắc tôn giáo và tìm cách tốt nhất để tranh thủ họ; song cũng có thái độ xử sự dứt khoát kiên quyết trừng trị những kẻ lợi dụng tôn giáo làm hại dân.

Như vậy, về phương diện lý luận tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết lương - giáo là sự vận dụng sáng tạo, sự bổ sung, phát triển quan điểm về tôn giáo của chủ nghĩa Mác trong hoàn cảnh thực tiễn ở Việt Nam trên nền tảng của tinh thần yêu nước và tinh thần đoàn kết dân tộc. Bằng phương pháp biện chứng, Người đã chỉ ra sự tương đồng vốn đã có trong lịch sử, đó là truyền thống dung thông, “đồng nguyên”, “đồng quy” giữa các tôn giáo. Người cho rằng, cái dị biệt trong các tôn giáo đã làm phong phú thêm bản sắc văn hoá Việt Nam. Sự tương đồng giữa các tôn giáo là cơ sở thực hiện sự hoà hợp, đoàn kết lương - giáo, đoàn kết dân tộc.

Là nhà cách mạng, Người đã cho rằng, tôn giáo còn có điểm tương đồng với lý tưởng cách mạng. Từ đó, Hồ Chí Minh đã gọi mở đường hướng, phương châm hoạt động của các tôn giáo cho phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Theo sự gọi mở đó, các tôn giáo ở nước ta đã đề ra phương châm hoạt động tiến bộ: “Đạo pháp - dân tộc và chủ nghĩa xã hội” đối với Phật giáo; “Tốt đời đẹp đạo, kính Chúa, yêu nước, sống phúc âm trong lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào” đối với Công giáo; “Sống phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc” đối với Tin lành; “Nước vinh đạo sáng” đối với Cao Đài; “Vì đạo pháp, vì dân tộc; giữ gìn chơn truyền đạo lý góp phần cùng nhân dân cả nước nêu cao truyền thống yêu nước, phát huy giá trị đạo đức và tinh hoa văn hoá dân tộc” đối với Hoà Hảo.

Như vậy, phương pháp ứng xử mềm dẻo, linh hoạt, kiên quyết dựa trên nguyên tắc tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong những vấn đề phức tạp là sự phát triển lý luận mác xít về tôn giáo của Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về lương - giáo đoàn kết đã từng bước được hiện thực hoá, đi vào cuộc sống góp phần vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Bằng chính sách, luật pháp, bằng chương trình kinh tế - xã hội, tư tưởng về đoàn kết lương giáo của Hồ Chí Minh đóng vai trò định hướng công tác tôn giáo của Đảng và Nhà nước trong những giai đoạn cách mạng khác nhau.

Hiện nay, các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước thường lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề lịch sử các tôn giáo hòng gây chia rẽ nội bộ, mất trật tự và ổn định xã hội, thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình. Vận dụng tư tưởng đoàn kết lương - giáo của Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước đã đưa ra những đường lối, chính sách và văn bản pháp luật về tôn giáo nhằm đáp ứng kịp thời tình hình mới.

Nội dung chủ yếu trong đường lối chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước là:

Thứ nhất, thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ hai, thực hiện nhất quán chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về tôn giáo và thực tiễn vấn đề tôn giáo ở Việt Nam.

Thứ ba, coi tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thứ tư, coi nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.

Thứ năm, thực hiện công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

Để thực hiện tốt những nội dung trong đường lối, chính sách về công tác tôn giáo của Đảng và Nhà nước, cần thiết phải quán triệt rõ những nhiệm vụ cụ thể. Đó là:

- Thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng nâng cao đời

sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân; trong đó, có đồng bào các tôn giáo.

- Tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động bình thường theo đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, thực hiện phương châm “tốt đời đẹp đạo” trong chức sắc, quần chúng tín đồ tôn giáo.

- Củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Phát huy tinh thần yêu nước của đồng bào có đạo, đấu tranh làm thất bại âm mưu của kẻ xấu lợi dụng tôn giáo để phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm mất trật tự an ninh xã hội.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, xây dựng đội ngũ có chuyên môn đáp ứng yêu cầu công tác tôn giáo trong tình hình mới.

Như vậy, tư tưởng về đoàn kết lương - giáo của Hồ Chí Minh không chỉ là sự bổ sung, phát triển, làm phong phú lý luận về tôn giáo của chủ nghĩa Mác- Lênin, mà điều quan trọng hơn là, tư tưởng đó đã thực sự đi vào cuộc sống, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc - một trong những động lực quan trọng để đưa đất nước phát triển trong thời đại hiện nay □

1. Hồ Chí Minh, toàn tập. NXB CTQG. H. 1996, T.10, tr. 606.

2. Sdd, H.1996. T.6, tr. 428.

3, 7, 8, 9, 11. Sdd, H. 1995, T.5, tr. 197, 273, 53, 119, 197.

4. Sdd, H.1996. T.11, tr. 314-315.

5. Sdd, H.1995. T.4, tr. 121-122, 117.

6. Báo cứu quốc, ngày 14, 15-01-1946.

10. Lê Quang Vinh: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và công tác tôn giáo*, NXB CTQG, H. 1993, tr. 212

12. Sdd, H.1995. T.7, tr. 357.

13, 14. Báo Cứu quốc ngày 20-10-1946; 17-02-1957.